

KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nhận biết được hai cách kết bài (kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng) trong bài văn kể chuyện (mục I và BT1, BT2 mục III).

2. Kỹ năng

- Bước đầu viết được đoạn kết bài cho bài văn kể chuyện theo cách mở rộng (BT3, mục III).

3. Thái độ

- HS tích cực, tự giác làm việc nhóm

4. Góp phần phát triển NL:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ viết sẵn kết bài Ông trạng thả diều theo hướng mở rộng và không mở rộng.

- HS: SGK, Sách Truyện đọc 4

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:(5p) + <i>Nêu các cách MB trong bài văn kể chuyện?</i> - GV dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét + <i>MB trực tiếp và MB gián tiếp</i>
2. Hình thành KT (15p) * Mục tiêu: Nhận biết được hai cách kết bài (kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng) trong bài văn kể chuyện. * Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 2- Lớp	
Bài 1, 2: - Gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc truyện Ông trạng thả diều. Cả lớp đọc thầm, trao đổi và tìm đoạn kết truyện. - Gọi HS phát biểu. - Nhận xét chốt lại lời giải đúng.	- 2 HS nối tiếp nhau đọc truyện. - HS đọc thầm, dùng bút chì gạch chân đoạn kết bài trong truyện. -> Kết bài: Thế rồi vua mở khoa thi. Chú bé thả diều đỗ trạng nguyên. Đó là trạng nguyên trẻ nhất của nước Việt Nam ta.
Bài 3: - Yêu cầu HS làm việc trong nhóm.	- 2 HS đọc thành tiếng yêu cầu. - HS ngồi cùng bàn trao đổi thảo luận để có lời đánh giá hay- Chia sẻ trước lớp

<p>- Gọi HS phát biểu, GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp cho từng HS.</p> <p>Bài 4: So sánh hai cách kết bài trên.</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu. GV treo bảng phụ viết sẵn đoạn kết bài để cho HS so sánh.</p> <p>- Gọi HS phát biểu.</p> <p>*Kết luận: + <i>Cách viết của bài thứ nhất chỉ có biết kết cục của câu chuyện không có bình luận thêm là cách viết bài không mở rộng.</i> + <i>Cách viết bài thứ hai đoạn kết trở thành một đoạn thuộc thân bài. Sau khi cho biết kết cục, có lời đánh giá nhận xét, bình luận thêm về câu chuyện là cách kết bài mở rộng.</i> + <i>Thế nào là kết bài mở rộng, không mở rộng?</i></p> <p>c. Ghi nhớ: - Gọi HS đọc phần ghi nhớ trong SGK.</p>	<p>+ <i>Câu chuyện giúp em hiểu hơn lời dạy của ông cha ta từ ngàn xưa: “có chí thì nên”</i></p> <p>+ <i>Nguyễn Hiền là một tấm gương sáng về ý chí và nghị lực cho chúng em.</i></p> <p>- HS đọc thành tiếng, HS trao đổi nhóm 2- chia sẻ lớp</p> <p>+ <i>Cách viết bài của truyện chỉ có biết kết cục của truyện mà không đưa ra nhiều nhận xét, đánh giá.</i></p> <p>+ <i>Cách kết bài ở bài tập 3 cho biết kết cục của truyện, còn có lời nhận xét đánh giá làm cho người đọc khắc sâu, ghi nhớ ý nghĩa của truyện.</i></p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- HS nêu</p> <p>- 2 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm.</p>
<p>3. HĐ thực hành (18p)</p> <p>* Mục tiêu: Nhận biết được các cách kết bài đã học</p> <p>* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp</p>	
<p>Bài 1: Sau đây là một số. . .</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu.</p> <p>- Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.</p> <p>+ <i>Đó là những kết bài theo cách nào? Vì sao em biết?</i></p> <p>- Gọi HS phát biểu.</p> <p>- Nhận xét chung; kết luận về lời giải đúng.</p> <p>* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 nhận diện</p>	<p>Nhóm 4- Lớp</p> <p>- 5 HS tiếp nối nhau đọc từng cách mở bài.</p> <p>- HS trao đổi, trả lời câu hỏi theo nhóm 4.</p> <p>+ <i>Cách a: là kết bài không mở rộng vì chỉ nêu kết thúc câu chuyện Thổ và rùa.</i></p> <p>+ <i>Cách b/ c/ d/ e/ là cách kết bài mở rộng vì đưa ra thêm những lời bình luận nhận xét chung quanh kết cục của truyện.</i></p> <p>- Lắng nghe.</p>

được kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng.

Bài 2: Tìm phần kết của câu chuyện sau. . .

- Yêu cầu HS làm bài.

- Gọi HS phát biểu.

- Nhận xét, kết luận lời giải đúng.

Bài 3:

- Yêu cầu HS làm bài cá nhân.

- Gọi HS đọc bài. GV sửa lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp cho từng HS.

* HS M3+M4 nhận diện được các cách kết bài, viết được kết bài theo 2 cách đó.

4. HĐ ứng dụng (1p)

5. HĐ sáng tạo (1p)

Nhóm 2- Lớp

- HS đọc thành tiếng yêu cầu.

- 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận, dùng bút chì đánh dấu kết bài của từng truyện.

Đáp án: Kết bài của hai bài “Một người chính trực, Nỗi dằn vặt của An – đrây – ca” là hai kết bài không mở rộng.

Cá nhân- Lớp

- HS đọc thành tiếng yêu cầu.

- Tự làm bài vào vở.

- Đọc bài, sửa lỗi (nếu có).VD:

* Câu chuyện giúp chúng ta hiểu: Người chính trực làm gì cũng theo lẽ phải, luôn đặt việc công, đặt lợi ích của đất nước lên trên tình riêng.

* An – đrây – ca tự dằn vặt, tự cho mình có lỗi vì em rất thương ông. Em đã trung thực, nghiêm khắc với lỗi lầm của bản thân.

- Ghi nhớ 2 cách KB và vận dụng khi làm bài

- Tìm một số câu chuyện đã học trong sách giáo khoa có kiểu kết bài không mở rộng và viết lại theo kiểu KBMR

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

KHOA HỌC (VNEN)

VÌ SAO CHÚNG TA PHẢI TIẾT KIEM NƯỚC (T 2)

KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

NƯỚC CẦN CHO SỰ SỐNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt:
- + Nước giúp cơ thể hấp thu được những chất dinh dưỡng hoà tan lấy từ thức ăn và tạo thành các chất cần cho sự sống của sinh vật. Nước giúp thải các chất thừa, chất độc hại.
- + Nước được sử dụng trong đời sống hằng ngày, trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

2. Kỹ năng

- Xác định được tầm quan trọng của nước và vai trò của nước.

3. Thái độ

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

TKNL: HS biết được nước cần cho sự sống của con người, động vật, thực vật như thế nào, từ đó hình thành ý thức tiết kiệm nước.

II. CHUẨN BỊ :

1. Đồ dùng

- GV: + HS chuẩn bị cây trồng từ tiết 22.
 - + Các hình minh hoạ SGK trang 50, 51 (phóng to nếu có điều kiện).
 - + Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên trang 49 / SGK.
- HS: Chuẩn bị giấy A4, bút màu.

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm
- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

1. Khởi động (5p) + <i>Hãy vẽ và trình bày vòng tuần hoàn của nước.</i> - GV nhận xét, khen/ động viên.	- TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét - 2- 3 HS lên bảng
2. Bài mới: (30p) * Mục tiêu: - Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt: * Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp	
HD1: Tìm hiểu vai trò của nước đối với đời sống của con người ĐV và TV. - GV yêu cầu HS nộp tư liệu và tranh	Nhóm 4 - Lớp - HS nhận nhiệm vụ.

ảnh đã sưu tầm.

- GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.

+ Nhóm 1: *Điều gì sẽ xảy ra nếu cuộc sống của con người thiếu nước?*

+ Nhóm 2: *Điều gì sẽ xảy ra nếu cây cối thiếu nước?*

+ Nhóm 3: *Nếu không có nước cuộc sống động vật sẽ ra sao?*

* Kết luận: (mục bạn cần biết)

- Gọi 2 HS đọc mục Bạn cần biết.

Hoạt động 2: Vai trò của nước trong một số hoạt động của con người.

+ *Trong cuộc sống hàng ngày con người còn cần nước vào những việc gì?*

- GV ghi nhanh các ý kiến không trùng lặp lên bảng.

+ *Nước cần cho mọi hoạt động của con người. Vậy nhu cầu sử dụng nước của con người chia ra làm 3 loại đó là những loại nào?*

- Yêu cầu HS sắp xếp các dẫn chứng sử dụng nước của con người vào cùng nhóm.

+ HS thảo luận theo nhóm. (nghiên cứu tư liệu và đọc mục Bạn cần biết).

- Đại diện các nhóm lên trình bày trước lớp.

+ *Thiếu nước con người sẽ không sống nổi. Con người sẽ chết vì khát. Cơ thể con người sẽ không hấp thụ được các chất dinh dưỡng hòa tan lấy từ thức ăn.*

+ *Nếu thiếu nước cây cối sẽ bị héo, chết, cây không lớn hay nảy mầm được.*

+ *Nếu thiếu nước động vật sẽ chết khát, một số loài sống ở môi trường nước như cá, tôm, cua sẽ bị kiệt chủng.*

- HS đọc.

Cá nhân – Lớp

+ *Uống, nấu cơm, nấu canh.*

+ *Tắm, lau nhà, giặt quần áo.*

+ *Đi bơi, tắm biển.*

+ *Đi vệ sinh.*

+ *Tắm cho súc vật, rửa xe.*

+ *Trồng lúa, tưới rau, trồng cây non.*

+ *Quay tơ.*

+ *Chạy máy bơm, ô tô.*

+ *Chế biến hoa quả, cá hộp, thịt hộp, bánh kẹo.*

+ *Sản xuất xi măng, gạch men.*

+ *Tạo ra điện.*

+ *Con người cần nước để sinh hoạt, vui chơi, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.*

HS làm việc nhóm 4- Chia sẻ lớp

- Báo cáo kết quả. Nhận xét, bổ sung.

Nhóm 1: Vai trò của nước trong sinh hoạt

Uống, nấu cơm, nấu canh.

Tắm, lau nhà, giặt quần áo.

Đi bơi, đi vệ sinh.

Tắm cho súc vật, rửa xe, ...

Nhóm 2: Vai trò của nước trong SX nông nghiệp

Trồng lúa, tưới rau, trồng cây non, tưới

<p>* Kết luận:</p> <p>3. Hoạt động ứng dụng (1p) Liên hệ giáo dục TKNL: Con người cần nước vào rất nhiều việc. Vậy tất cả chúng ta hãy giữ gìn và bảo vệ nguồn nước ở ngay chính gia đình và địa phương mình. Cũng cần có các biện pháp tiết kiệm nước</p> <p>4. Hoạt động sáng tạo (1p)</p>	<p>hoa, tưới cây cảnh, uơm cây giống, gieo mạ, ...</p> <p>Nhóm 3: Vai trò của nước trong SXCN Quay tơ chạy máy bơm nước, chạy ô tô, chế biến hoa quả, làm đá, chế biến thịt hộp, cá hộp, làm bánh kẹo, sản xuất xi măng, gạch men, tạo ra điện,</p> <p>- HS nêu các biện pháp tiết kiệm nước</p> <p>- Vẽ tranh tuyên truyền về tiết kiệm nước.</p>
--	--

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 23 tháng 11 năm 2018

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TÍNH TỪ (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nắm được một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất (ND Ghi nhớ).

2. Kỹ năng

- Nhận biết được từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất (BT1, mục III); bước đầu tìm được một số từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất và tập đặt câu với từ tìm được (BT2, BT3, mục III).

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác học bài..

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Bảng lớp viết sẵn 6 câu ở bài tập 1, 2 phần nhận xét.
 + Bảng phụ viết bài tập 1 luyện tập.

+ Bảng nhóm.

- HS: Vở BT, bút, ..

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động (5p) + <i>Tính từ là gì? Lấy VD về tính từ.</i></p> <p>+ Đặt câu có chứa tính từ - Dẫn vào bài mới</p>	<p>- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét + <i>Tính từ là từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,...VD: xanh, cao, thấp,...</i></p> <p>- HS nối tiếp đặt câu</p>
<p>2. Hình thành KT (15p) * Mục tiêu: Nắm được một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất (ND Ghi nhớ). * Cách tiến hành:</p>	
<p>a. Nhận xét Bài 1: - Gọi 1 HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ <i>Em có nhận xét gì về các từ chỉ đặc điểm của tờ giấy?</i></p> <p>- GV: <i>Mức độ đặc điểm của tờ giấy được thể hiện bằng cách tạo ra các từ ghép: trắng tinh, hoặc từ láy: trắng trắng từ tính từ trắng đã cho ban đầu.</i></p> <p>Bài 2: - Gọi 1 HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS thảo luận và trả lời. + <i>Trong các câu dưới đây, ý nghĩa của mức độ được thể hiện bằng những cách nào?</i></p>	<p>Nhóm 2- Lớp</p> <p>- HS đọc thành tiếng. - HS thảo luận cặp đôi để tìm câu trả lời a/. Tờ giấy màu trắng: Mức độ trắng bình thường. b/. Tờ giấy màu trắng trắng: mức độ trắng ít. c/. Tờ giấy màu trắng tinh: mức độ trắng phau. + <i>Ở mức độ trắng trung bình thì dùng tính từ trắng. Ở mức độ ít trắng thì dùng từ láy trắng trắng. Ở mức độ trắng phau thì dùng từ ghép trắng tinh.</i></p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- HS đọc thành tiếng. - 2 HS thảo luận nhóm bàn trao đổi và trả lời - <i>Ý nghĩa mức độ được thể hiện bằng cách:</i> + <i>Thêm từ rất vào trước tính từ trắng= rất trắng.</i> + <i>Tạo ra phép so sánh bằng cách ghép</i></p>

<p>+ Có những cách nào thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất?</p> <p>b. Ghi nhớ:</p> <p>- Gọi HS đọc phần ghi nhớ.</p>	<p>từ hơn, nhất với tính từ trắng = trắng hơn, trắng nhất.</p> <p>- Có 3 cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất.</p> <p>+ Tạo ra từ ghép hoặc từ láy với tính từ đã cho.</p> <p>+ Thêm các từ: rất, quá, lắm, vào trước hoặc sau tính từ.</p> <p>+ Tạo ra phép so sánh.</p> <p>- 2 HS đọc thành tiếng.</p> <p>- HS M3, M4 lấy VD về cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất.</p>
<p>3. Hoạt động thực hành (18p)</p> <p>* Mục tiêu: Nhận biết được từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất, bước đầu tìm được một số từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất và tập đặt câu với từ tìm được</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 1: Tìm những từ biểu thị mức độ. . .</p> <p>- Gọi 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu và ND bài tập.</p> <p>* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2</p> <p>- Cho HS hiểu thêm về vẻ đẹp của hoa cà phê để giáo dục tình yêu với các loài cây, tình yêu quê hương, đất nước</p> <p>Bài 2: Hãy tìm những từ. . .</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.</p> <p>+ Có những cách nào để thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất?</p> <p>Bài 3: Đặt câu với mỗi từ ngữ em. . .</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.</p> <p>- Yêu cầu HS tự đặt câu sau đó đọc trước lớp.</p>	<p>Nhóm 2- Lớp</p> <p>- Thực hiện theo yêu cầu của GV.</p> <p>Đ/a:</p> <p>Thứ tự từ cần tìm: <i>thơm đậm</i> và <i>ngọt, rất xa, thơm lắm, Trong ngà trắng ngọc, trắng ngà ngọc, đẹp hơn, lộng lẫy hơn</i> và <i>tinh khiết hơn</i>.</p> <p>Nhóm 4- Lớp</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4- Chia sẻ lớp</p> <p>Đ/a: VD về từ "đỏ"</p> <p>- Cách 1 : (tạo từ ghép, từ láy với tính từ đỏ) <i>đỏ đỏ, đỏ rực, đỏ hồng, đỏ chót, đỏ chói, đỏ choét, đỏ chon chót, đỏ tím, đỏ sậm, đỏ tía, đỏ thắm, đỏ hơn hồng...</i></p> <p>- Cách 2 (thêm các từ rất, quá, lắm và trước hoặc sau tính từ đỏ): <i>rất đỏ, đỏ lắm, đỏ quá, quá đỏ, đỏ rực, đỏ vô cùng,</i></p> <p>- Cách 3: (tạo ra từ ghép so sánh): <i>đỏ hơn, đỏ nhất, đỏ như son, đỏ hơn son, ...</i></p> <p>- HS trả lời để củng cố bài học</p> <p>Cá nhân –Lớp</p> <p>- HS nối tiếp đặt câu, chia sẻ trước lớp</p> <p>VD:</p> <p>+ <i>Mẹ về làm em vui quá!</i></p>

* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu cho hoàn chỉnh.

* Hs M3+M4 đặt câu với tính từ vừa tìm được có sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hóa.

4. Hoạt động ứng dụng (1p)

5. Hoạt động sáng tạo (1p)

+ Mũi chú hề đỏ chót.

+ Bầu trời cao vút.

+ Em rất vui mừng khi được cô giáo khen.

- Ghi nhớ các cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất và vận dụng khi viết văn.

- Tìm từ ngữ miêu tả mức độ khác nhau của các đặc điểm: trắng, đen.

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 60: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được nhân với số có hai chữ số.

2. Kỹ năng

- Vận dụng được vào giải bài toán có phép nhân với số có hai chữ số.

3. Thái độ

- Tính chính xác, cẩn thận.

4. Góp phần phát triển các NL

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (cột 1, 2), bài 3

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (5p) - GV dẫn vào bài mới	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ
2. Hoạt động thực hành: (30p) * Mục tiêu: Vận dụng nhân với số có 2 chữ số để giải các bài toán liên quan	

*** Cách tiến hành:**

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.

- Cùng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có hai chữ số.

Bài 2 cột 1, 2: (HSNK hoàn thành cả bài)

- Treo bảng phụ
- Gọi HS nêu nội dung từng dòng, từng cột trong bảng.
- Nhận xét, chốt đáp án, nêu cách tính giá trị của BT có chứa chữ.

Bài 3

- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.
- Nhận xét, đánh giá bài làm của HS trong vở

Bài 4+ Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)

3. HĐ ứng dụng (1p)

Cá nhân- Nhóm 2- Lớp

- HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp

Đ/a:

$$\begin{array}{r} \times 17 \\ \underline{53} \\ 51 \\ \underline{85} \\ 901 \end{array} \qquad \begin{array}{r} \times 428 \\ \underline{39} \\ 3852 \\ \underline{1284} \\ 16692 \end{array} \qquad \begin{array}{r} \overset{\curvearrowright}{\times} 057 \\ \underline{23} \\ 6171 \\ \underline{4114} \\ 47311 \end{array}$$

Nhóm 2- Chia sẻ lớp

Đ/a:

m	3	30
m x 78	234	2340

Cá nhân- Lớp

- HS đọc đề bài- Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán

- Làm bài cá nhân- Chia sẻ lớp

Bài giải

24 giờ có số phút là:

$$60 \times 24 = 1440 \text{ (phút)}$$

Số lần tìm người đó đập trong 24 giờ là:

$$75 \times 1440 = 108\,000 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 108 000 lần

- HS làm vào vở Tự học- Chia sẻ lớp

Bài 4: Bài giải

Cửa hàng thu được số tiền là:

$$5200 \times 13 + 5500 \times 18 = 166\,600 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 166 600 đồng

Bài 5:

Bài giải

Số học sinh của 12 lớp là:

$$30 \times 12 = 360 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh của 6 lớp là:

$$35 \times 6 = 210 \text{ (học sinh)}$$

Tổng số học sinh của trường là:

$$360 + 210 = 570 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 570 học sinh

- Ghi nhớ cách nhân với số có 2 c/s